

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Vinh
2. Bà Hoàng Thị Cát Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2011/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh

- Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Chị M, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Chị và anh Hà Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014 ngày 22/12/2014. Đầu năm 2015, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cờ, bạc, dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ tháng 11 năm 2015, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau, không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn H vì mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Có 01 chung tên Hà Lê Tấn S, sinh ngày 15/7/2002. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Hà Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Hà Văn H không đến tòa và cũng không có ý kiến gì về vụ án nên không có lời trình bày.

Ý kiến của UBND xã V: Chị Lê Thị M và anh Hà Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014 ngày 22/12/2014. Anh, chị có 01 chung tên Hà Lê Tấn S, sinh ngày 15/7/2002. Quá trình chung sống, chị M, anh H có mâu thuẫn gì hay không; có tài sản chung, nợ chung gì hay không thì địa phương không nắm rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cháu Hà Lê Tấn S, sinh ngày 15/7/2002 cho chị M nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Lê Thị M xin ly hôn với anh Hà Văn H, chị M xin nuôi con chung là Hà Lê Tấn S, sinh ngày 15/7/2002. Anh H cư trú tại ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên

đơn là chị Lê Thị M, bị đơn là anh Hà Văn H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M chung sống với anh Hà Văn H vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014 ngày 22 tháng 12 năm 2014, căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân trên là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn H vắng mặt tại phiên tòa, Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M thì thấy:

Theo chị M thì chị và anh Hà Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014 ngày 22/12/2014. Đầu năm 2015, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cờ, bạc, dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ tháng 11 năm 2015, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau, không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn H vì mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Tòa đã có thông báo số 27/TBTA ngày 26/8/2019, yêu cầu anh H có ý kiến về lời trình bày và yêu cầu của chị M, nhưng anh không có ý kiến gì, coi như anh từ chối việc trình bày ý kiến bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, mặt khác Tòa đã nhiều lần triệu tập anh H đến tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, cho thấy anh không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nên căn cứ và lời trình bày của chị M và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án để giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nay chị M cương quyết xin ly hôn anh H, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không bàn bạc đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M về việc ly hôn với anh H là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung là Hà Lê Tấn S, sinh ngày 15/7/2002, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu S có bản tự khai trình bày nguyện vọng được chị M nuôi dưỡng, anh M không có ý kiến gì về vấn đề này. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có, anh H không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 21, 28, 35, 39, 147, 220, 227, 262, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014; Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M về việc “Ly hôn” đối với anh Hà Văn H.

Xử: Cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Hà Văn H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hà Lê Tấn S, sinh ngày 15/7/2002 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009530 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAT, THA, Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyên Vũ

